

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,770 – 1,785 trong suốt phiên sáng trước khi bật tăng trong phiên chiều. Chỉ số tiếp tục gập lực cản tại ngưỡng 1,800 điểm và lùi xuống đóng cửa tại mốc 1,785.11 điểm, tăng hơn 10 điểm so với hôm qua. Các ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp, Bất động sản và Du lịch & giải trí dẫn đầu đà tăng; ở chiều ngược lại, ngành Tiện ích là ngành duy nhất giảm trên 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, HNX và mua ròng trên sàn UPCOM. Hiện tại, VN-Index đã có 3 phiên liên tiếp đóng cửa dưới đường xu hướng của nhịp tăng từ cuối tháng 7; đồng thời, chỉ số cũng thể hiện sự thiếu đồng thuận khi nỗ lực vượt ngưỡng 1,800 điểm. Nhà đầu tư tiếp tục giao dịch thận trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30, ngoại trừ VN30F2Q.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 25/09/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+10.02** điểm, đóng cửa tại **1785.11** điểm. HNX-Index **-0.56** điểm, đóng cửa tại **272.21** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+6.68)**, **VIC (+3.26)**, **VPB (+1.54)**, **VPL (+0.68)**, **TCB (+0.45)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.74)**, **SSB (-0.39)**, **VNM (-0.34)**, **HPG (-0.26)**, **BID (-0.24)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,602** tỷ đồng, giảm **-13.64%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15,298 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 24.72 điểm. Thị trường có **140** mã tăng, 49 mã tham chiếu, **179** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-273.50** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **TCB (-114.93 tỷ)**, **MSB (-98.17 tỷ)**, **HPG (-78.60 tỷ)**, **VIC (-77.69 tỷ)**, **CTG (-61.79 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.28** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.06%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+5.66%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+4.07%) [\(Link báo cáo\)](#)
DGC (+1.84%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.20%**. Các mã diễn biến tích cực:
HAH (+4.76%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVT (+3.59%) [\(Link báo cáo\)](#)
NAB (+3.33%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.06%	-0.20%	0.56%	0.33%
1 tuần	-0.27%	-0.91%	-1.68%	-1.31%
1 tháng	-2.67%	-3.63%	-2.57%	-2.24%
3 tháng	-5.03%	-8.94%	-4.13%	-3.20%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,785.11	272.21	125.21
% 1D	0.56%	-0.21%	-0.49%
GTKL (tỷ VND)	11,602	539	373
%1D	-13.64%	-6.06%	-40.12%
GDNN (tỷ VND)	-273.50	-2.28	46.74

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SBT	246.82	TCB	-114.93
BSR	108.22	MSB	-98.17
DCM	45.25	HPG	-78.60
VHM	41.46	VIC	-77.69
FRT	35.68	CTG	-61.79

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

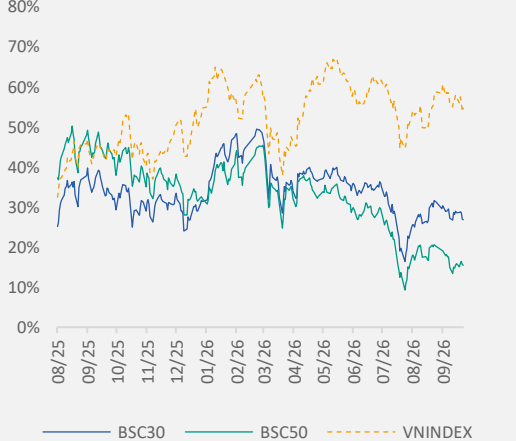
		%D	%W
SPX	7,704	-0.02%	0.87%
FTSE100	8,118	0.46%	0.66%
Eurostoxx	25,509	1.00%	0.84%
Shanghai	3,888	-1.22%	0.33%
Nikkei	66,364	1.30%	4.54%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	104.73	-1.75%
Giá vàng	4,295	0.48%
Tỷ giá		
USD/VND	25,977	-0.06%
EUR/VND	29,597	0.13%
JPY/VND	164	0.52%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.5%	0.00%
LS LNH 1M	6.4%	0.48%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	69.10	5.66%	6.68	12.34
VIC	232.00	0.87%	3.26	1.37
VPB	23.00	4.07%	1.54	48.28
VPL	79.70	2.18%	0.68	0.42
TCB	33.25	0.91%	0.45	32.08

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	124.40	2.81%	0.80	0.00
CDN	25.80	4.03%	0.06	
DHT	54.50	1.49%	0.04	0.01
DNP	20.50	2.50%	0.04	0.33
HHC	80.00	5.26%	0.04	0.000

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
VPG	1.53	6.99%	0.46
HTN	7.04	6.99%	0.68
TNC	28.65	6.90%	0.00
STG	33.40	6.88%	0.00
SFC	17.10	6.88%	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
S55	59.90	9.91%	0.00
HTC	29.20	9.77%	0.00
VE3	10.20	9.68%	0.00
DTG	13.80	9.52%	0.02
PJC	34.90	9.40%	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	80.50	-1.83%	-0.74	1.24
SSB	19.45	-2.75%	-0.39	2.76
VNM	59.80	-1.32%	-0.34	2.027
HPG	20.65	-0.72%	-0.26	28.05
BID	35.75	-0.42%	-0.24	3.18

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	106.20	-3.54%	-0.67	0.04
KSF	77.20	-1.03%	-0.43	0.08
NVB	13.40	-1.47%	-0.34	1.06
PGS	74.00	-9.76%	-0.21	0.00
PVS	31.60	-2.17%	-0.21	2.57

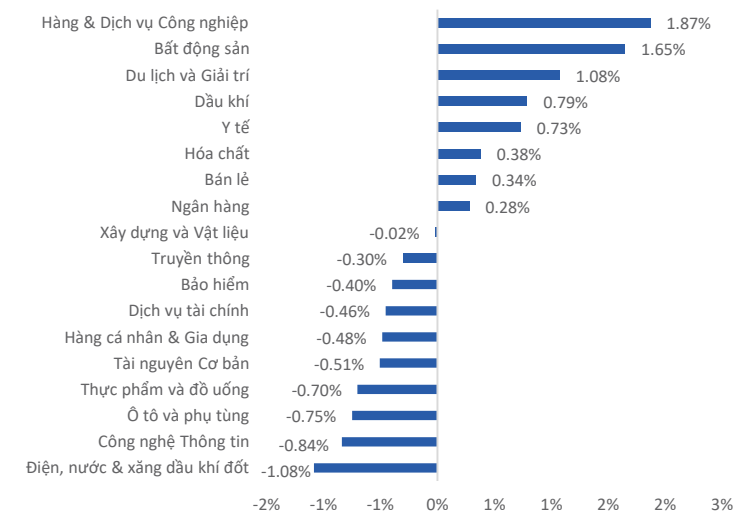
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
VTB	11.75	-8.20%	0.00
AGG	9.17	-7.00%	0.59
CLW	41.60	-6.94%	0.00
KOS	21.00	-6.87%	0.00
CMV	7.26	-6.68%	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

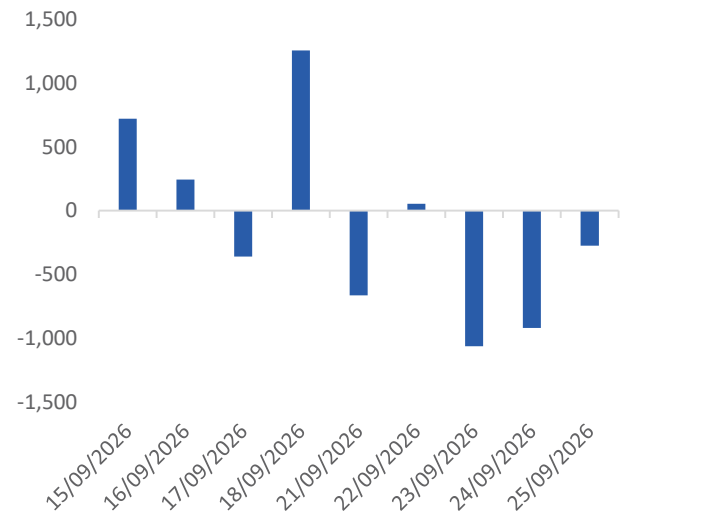
	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
VCC	9.00	-10.00%	0.00
DC2	5.50	-9.84%	0.00
VNT	31.30	-9.80%	0.00
PGS	74.00	-9.76%	0.00
HJS	25.10	-9.71%	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	73.4	0.7%	1.1	108,316	209.0	6,662	11.0	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.0	-0.2%	0.9	24,439	19.4	1,218	21.3	42.4	6.5%	Link
KDH	Bất động sản	15.7	0.0%	1.0	17,619	46.7	1,567	10.0	39.9	23.4%	Link
PDR	Bất động sản	11.3	-1.7%	1.1	11,275	34.8	619	18.3	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	69.1	5.7%	1.7	567,644	839.3	9,730	7.1	132.6	6.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	64.7	-0.9%	0.7	122,009	349.1	5,326	12.2	124.4	28.5%	Link
BSR	Dầu khí	30.4	1.3%	0.0	152,222	437.2	3,974	7.7	-	1.5%	Link
PVS	Dầu khí	31.6	-2.2%	0.9	19,393	82.3	3,432	9.2	52.3	15.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.9	-0.8%	0.9	34,161	49.1	1,269	19.6		34.8%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.7	-0.7%	1.0	62,127	281.5	1,752	11.8		30.0%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.8	-1.5%	0.8	22,814	152.6	1,334	14.8		16.2%	Link
DCM	Hóa chất	34.3	0.9%	0.8	18,158	109.5	4,939	6.9	53.3	5.4%	Link
DGC	Hóa chất	36.0	1.8%	1.0	13,653	18.9	5,603	6.4	96.7	3.3%	Link
ACB	Ngân hàng	21.4	0.0%	0.6	124,215	130.4	2,701	7.9	27.1	23.8%	Link
CTG	Ngân hàng	30.2	0.0%	0.9	234,173	207.3	5,172	5.8	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	27.8	0.5%	0.9	139,147	375.3	3,828	7.3	32.7	22.0%	Link
MBB	Ngân hàng	19.9	0.3%	1.0	200,368	158.4	3,212	6.2	32.4	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	14.1	-1.4%	0.8	52,603	330.1	1,573	8.9	14.0	7.3%	Link
STB	Ngân hàng	76.5	-0.5%	0.7	144,219	571.4	1,634	46.8		10.7%	Link
TCB	Ngân hàng	33.3	0.9%	1.0	235,617	1067.4	3,829	8.7	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	14.6	-0.7%	1.0	40,501	147.0	2,732	5.3	-	21.8%	Link
VCB	Ngân hàng	58.0	-0.2%	0.8	484,629	256.8	4,984	11.6	-	20.0%	Link
VIB	Ngân hàng	13.4	-0.4%	0.7	50,054	105.7	1,990	6.7	23.0	3.5%	Link
VPB	Ngân hàng	23.0	4.1%	1.0	230,000	1112.6	2,982	7.7	36.5	22.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.7	-0.7%	0.8	174,347	592.7	2,750	7.5	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.0	0.0%	0.8	8,073	17.2	813	12.3	14.3	3.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.7	-0.3%	0.8	6,767	14.0	2,679	5.9	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	70.1	-1.0%	0.9	102,372	304.1	4,630	15.1	100.4	24.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	59.8	-1.3%	0.5	124,979	121.8	5,246	11.4	78.0	49.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.5	-2.84%	0.9	9,940	63.9	3,783	11.8	26.8%	23.8%	Link
FRT	Bán lẻ	141.9	-0.07%	0.8	25,374	170.6	6,359	22.3	33.0%	27.5%	Link
BVH	Bảo hiểm	68.8	-0.58%	0.9	51,072	40.5	4,472	15.4	27.3%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	9.6	-2.03%	1.0	8,130	40.1	987	9.8	2.4%	8.1%	Link
DXG	Bất động sản	10.1	-0.49%	0.9	12,808	81.7	157	64.5	15.7%	1.4%	Link
HDC	Bất động sản	11.2	-3.04%	1.0	2,561	8.2	2,389	4.7	1.1%	23.0%	Link
IDC	Bất động sản	33.4	-0.60%	0.9	13,943	42.6	5,201	6.4	14.5%	32.7%	Link
NLG	Bất động sản	22.5	-1.54%	0.9	10,890	39.6	1,407	16.0	36.7%	5.2%	Link
SIP	Bất động sản	50.0	0.00%	0.8	12,106	1.9	5,867	8.5	2.3%	27.7%	Link
SZC	Bất động sản	17.9	-1.92%	0.8	3,213	3.1	887	20.1	1.2%	5.0%	Link
TCH	Bất động sản	11.3	0.44%	1.1	11,337	39.6	312	36.2	10.0%	2.6%	Link
VIC	Bất động sản	232.0	0.87%	1.9	1,800,827	317.5	2,752	84.3	3.1%	13.9%	Link
VRE	Bất động sản	24.5	1.45%	1.5	55,672	94.6	3,191	7.7	11.1%	15.0%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	22.5	-0.88%	0.8	5,228	3.8	1,692	13.3	36.3%	12.3%	Link
PLX	Dầu khí	35.0	0.00%	0.8	45,286	136.8	2,527	13.9	14.2%	12.5%	Link
PVD	Dầu khí	18.0	-1.91%	0.6	16,699	219.4	1,199	15.0	8.0%	6.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	20.1	0.25%	1.1	7,661	6.5	1,105	18.2	24.6%	9.5%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	16.2	-1.22%	1.1	16,215	48.4	1,828	8.9	0.3%	14.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	80.5	-1.83%	0.8	194,242	101.9	5,269	15.3	2.1%	18.9%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.9	-1.25%	0.9	6,450	17.7	2,298	6.9	15.7%	13.8%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.5	-0.40%	0.9	38,195	73.8	2,049	6.1	3.8%	16.2%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	46.1	-1.28%	0.5	28,739	13.3	4,238	10.9	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	132.8	0.61%	0.7	102,136	165.5	2,830	46.9	6.2%	8.6%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.0	-0.41%	1.2	31,403	155.0	1,049	22.9	6.4%	7.5%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	77.4	1.44%	0.8	33,506	68.6	6,025	12.9	39.0%	19.3%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.7	4.76%	0.6	9,918	139.8	6,637	7.8	6.6%	27.1%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.1	3.59%	0.7	11,941	126.6	2,761	8.4	15.4%	16.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.8	0.38%	0.6	10,660	43.3	2,199	24.0	3.8%	18.3%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	33.0	-0.90%	0.9	16,887	177.2	4,780	6.9	46.7%	18.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.8	0.00%	0.8	1,859	7.6	1,872	8.4	48.0%	9.1%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.7	0.00%	0.8	2,150	2.7	3,465	4.8	21.6%	22.0%	Link
DPM	Hóa chất	22.6	-0.44%	0.6	15,366	74.9	2,608	8.7	3.4%	15.6%	Link
GVR	Hóa chất	32.9	0.30%	1.1	131,600	96.3	1,751	18.8	0.6%	12.0%	Link
EIB	Ngân hàng	16.7	1.21%	1.1	31,107	838.8	264	63.2	1.0%	1.9%	Link
LPB	Ngân hàng	46.5	0.11%	0.6	138,759	38.5	3,780	12.3	1.5%	24.7%	Link
NAB	Ngân hàng	12.4	3.33%	0.5	26,769	30.7	2,253	5.5	1.0%	19.5%	Link
OCB	Ngân hàng	10.2	-0.97%	0.7	31,238	8.4	1,454	7.0	19.2%	13.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	9.7	0.00%	0.9	4,776	10.7	338	28.7	4.4%	2.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.0	-1.54%	1.1	4,247	3.9	3,248	4.9	2.6%	23.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.9	0.63%	0.6	11,620	57.2	256	124.2	4.0%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	43.9	-0.57%	0.6	56,304	44.6	3,723	11.8	58.8%	22.3%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.6	-0.30%	0.7	10,378	8.2	6,485	7.6	17.6%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	145.0	-0.68%	0.5	11,870	6.9	15,674	9.3	82.4%	42.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	58.2	-0.51%	0.9	6,508	10.5	7,046	8.3	46.6%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	72.7	-1.89%	0.8	9,314	15.7	5,110	14.2	5.8%	30.2%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	28.0	0.36%	0.9	3,320	7.2	3,530	7.9	18.4%	14.9%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.1	-0.44%	0.8	5,234	12.6	1,164	7.8	10.3%	5.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.0	-0.24%	0.5	8,637	26.9	2,809	7.5	8.4%	17.9%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	14.1	0.00%	0.7	9,809	29.2	5,869	2.4	1.9%	35.6%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	42.8	0.83%	0.9	19,167	23.9	3,174	13.5	0.9%	16.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC
 Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Click
2	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Click
3	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Click
4	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Click
5	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Click
6	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Click
7	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Click
8	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
9	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
10	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
11	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
12	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
13	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
14	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
15	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
16	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
17	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
18	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
19	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
20	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
21	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
22	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
23	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm

Ngành - Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm

Định lượng

Trungd@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>